

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NHƠN TRẠCH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 27-8-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Hoàng Thị Cát Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1269/2024/QĐXXST-DS ngày 24/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1356/2024/QĐST-DS ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Khu B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1991.

Bà Lương Thị L, sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ liên lạc: Công ty L1, khu trung tâm hành chính huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh K1, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp L, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông K1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024, các bản tự khai đề ngày 20/6/2024, ngày 26/8/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do bà **Lương Thị L** trình bày:*

Vào ngày 01/12/2023 bà **Dương Thị P** và ông **Nguyễn Thanh K1** có ký Hợp đồng vay tiền, được công chứng số 004598 tại **Văn phòng C**, Đồng Nai, theo đó ông **K1** có vay của bà **Dương Thị P** số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 01 tháng (đến ngày 31/12/2023), hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Tuy nhiên, hết thời hạn vay, bà **Dương Thị P** nhiều lần yêu cầu ông **K1** trả nợ nhưng **K1** không trả. Nay bà **Dương Thị P** yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Nguyễn Thanh K1** trả cho bà **Dương Thị P** số tiền nợ gốc và lãi chậm trả, cụ thể như sau: Nợ gốc: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 10%/năm. Tạm tính đến ngày 27/8/2024 (làm tròn là 7,5 tháng) là: $300.000.000đ \times 7,5 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 18.750.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả bà **P** yêu cầu ông **Nguyễn Thanh K1** phải trả tạm tính đến ngày xét xử 27/8/2024 là: 318.750.000 đồng.

Việc vay mượn tiền chỉ liên quan giữa bà **P** và ông **K1**, bà **P** không cho vợ ông **K1** vay và vợ ông **K1** cũng không liên quan đến việc vay mượn tiền trên. Số tiền cho ông **K1** vay là tiền riêng của bà **P**, không liên quan đến chồng bà.

** Đối với bị đơn ông **Nguyễn Thanh K1** Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông **K1** đến Tòa án để tham gia tố tụng tuy nhiên đương sự không đến Tòa làm việc và cũng không cung cấp ý kiến hoặc tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện bà **Dương Thị P** là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ: Bị đơn đã ký vào hợp đồng vay mượn tiền ngày 01/12/2023 được công chứng tại văn phòng công chứng **Nguyễn Duy S** vay mượn số tiền 300.000.000đ và tiền lãi do các bên tự thỏa thuận. Ông **Nguyễn Thanh K1** đã

nhận được các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vẫn không tham gia làm việc, cung cấp các chứng cứ bảo vệ quyền lợi cho mình, cho thấy ông **K1** đã từ bỏ quyền tố tụng của mình, chứng tỏ ông **K1** gián tiếp thừa nhận đã mượn tiền của bà **P** 300.000.000 đồng là có thật.

Trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất, nhưng trong đơn khởi kiện bà **P** yêu cầu trả 10%/năm là đúng theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị Quyết số 01 ngày 11/01/2019 về lãi là có căn cứ chấp nhận vì yêu cầu này không vượt quá quy định của nhà nước và bị đơn cũng không có ý kiến gì về phần lãi suất.

Căn cứ vào quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Thị P** buộc ông **Nguyễn Thanh K1** phải trả lại số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi 10%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Lương Thị L** có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông **Nguyễn Thanh K1**, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản ghi ý kiến và các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Việc ông **Nguyễn Thanh K1** không có mặt để giải quyết vụ án không giao nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh, bảo vệ cho quyền lợi của mình là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án giải quyết vụ án trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ.

[1.2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên xác định loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ: **Tổ A, Ấp L, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Nguyên đơn bà **Dương Thị P** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Thanh K1** thanh toán số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Xét, Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa bà **Dương Thị P** và ông **Nguyễn Thanh K1** vào ngày 01/12/2023 được Văn phòng công chứng **Nguyễn Duy S** công chứng

chứng thực theo quy định của pháp luật. Tại hợp đồng vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, tuy nhiên đến hạn trả nợ là ngày 31/12/2023, ông **K1** chưa thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, đã có đủ cơ sở xác định ông **Nguyễn Thanh K1** có vay tiền của bà **Dương Thị P** với số tiền gốc là 300.000.000 đồng nên cần xử buộc ông **Nguyễn Thanh K1** phải trả cho bà **Dương Thị P** số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu trả nợ lãi: Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa bà **Dương Thị P** và ông **Nguyễn Thanh K1** vào ngày 01/12/2023, không thỏa thuận lãi suất. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 bộ luật Tố tụng dân sự, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/8/2024, với lãi suất 10%/năm, với tổng số tiền là : 18.750.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền ông **Nguyễn Thanh K2** phải thanh toán cho bà **Dương Thị P** là 318.750.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà **P** được chấp nhận nên ông **K2** phải chịu 15.937.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Dương Thị P** đối với bị đơn ông **Nguyễn Thanh K1** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông **Nguyễn Thanh K1** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Dương Thị P** số tiền 3 18.750.000 đồng (trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 18.750.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh K1 phải chịu 15.937.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Dương Thị P 7.687.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017805 ngày 15/5/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Nhơn Trạch;
- VKS H. Nhơn Trạch;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

Đặng Thị Ngọc Tình

